

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

MỤC LỤC

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	2
I.- THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề kinh doanh.....	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	7
5. Định hướng phát triển	7
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tài chính & lợi nhuận)	8
3. Tổ chức và nhân sự	9
4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết.....	11
5. Tình hình tài chính	14
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
IV.- QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	21
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	21
V.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23
1. Ý kiến kiểm toán	23
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
Tên giao dịch quốc tế:	: BIBICA CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	3600363970
Vốn điều lệ	: 154,207.820.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 154,207.820.000 đồng
Địa chỉ	: 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM
Số điện thoại	: 84.8.39717920
Số fax	: 84.8.39717922
Website	: www.bibica.com.vn
Mã cổ phiếu	: BBC

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Giai đoạn 1999 đến 2000: thành lập Công ty

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hoà.
- Trụ sở của công ty đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.

- Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: Bánh, kẹo, mạch nha.

- Vốn điều lệ Công ty vào thời điểm ban đầu là 25 tỉ đồng.

- Cũng trong năm 1999, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất thùng carton và khay nhựa để phục vụ sản xuất, đồng thời dây chuyền sản xuất kẹo mềm cũng được đầu tư mở rộng và nâng công suất lên đến 11 tấn/ngày.

❖ Giai đoạn 2000 đến 2005: tăng vốn điều lệ để chủ động sản xuất, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội.



- Bắt đầu từ năm 2000 Công ty phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ lần lượt được thành lập để kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong cả nước.
- Năm 2000 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày.
- Tháng 2 năm 2000, Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
- Tháng 3 năm 2001, Đại Hội Cổ Đông nhất trí tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công Ty Cổ Phần.
- Tháng 7 năm 2001, Công ty kêu gọi thêm vốn cổ đông, nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng.
- Tháng 9 năm 2001, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng.
- Ngày 16/11/2001, Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001.
- Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
- Tháng 4 năm 2002, Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II được khánh thành tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.
- Tháng 10 năm 2002, Công ty chính thức đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước và được xuất khẩu sang các thị trường như: Nhật Bản, Bangladesh, Singapore...
- Cuối năm 2002, Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
- Bước sang năm 2004, Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP. Đồng thời, năm này cũng đã đánh dấu một bước phát triển mới cho hệ thống sản phẩm Công ty trong tương lai. Công ty đã ký hợp đồng với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng.



- Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng:
 - o Bánh dinh dưỡng Growsure cho trẻ em độ tuổi ăn dặm từ trên 6 tháng.
 - o Bánh dinh dưỡng Mumsure cho phụ nữ có thai và cho con bú
 - o Bánh Trung thu dinh dưỡng cho người ăn kiêng và bệnh tiểu đường
 - o Bánh bông lan kem Hura light, bột dinh dưỡng ngũ cốc Netsure light, Choco Bella Light, kẹo Yelo cho người ăn kiêng, bệnh tiểu đường.
- Sản phẩm “light” là dòng sản phẩm rất đặc biệt. Trước khi đi đến kết luận sản phẩm phù hợp với người ăn kiêng và người bệnh tiểu đường, Công ty đã có những công trình nghiên cứu rất công phu. Các sản phẩm này được sự tư vấn và thử nghiệm lâm sàng bởi Viện Dinh Dưỡng Việt Nam. Sự khác biệt trong các sản phẩm này là thành phần đường thường được thay thế bằng nguyên liệu đường đặc biệt Isomalt. Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung nhiều loại Vitamin, khoáng chất khác.
- Giữa năm 2005, Công ty mở rộng đầu tư sang lĩnh vực đồ uống và cho ra đời sản phẩm bột ngũ cốc với thương hiệu Netsure và Netsure “light”, đồng thời đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh mì tươi tại Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II, Hà Nội.
- Cũng trong năm 2005: hợp tác sản xuất với Công ty cổ phần công nghiệp thực phẩm Huế với 27% vốn cổ phần và phối hợp sản xuất nhóm sản phẩm Custard cake với thương hiệu Paloma.

❖ **Giai đoạn 2006 đến 2010: mở rộng lĩnh vực sản xuất (SP dinh dưỡng, đồ uống), đầu tư thêm nhà máy thứ 3 tại Bình Dương.**

- Bước vào năm 2006, Công ty triển khai xây dựng nhà máy mới trên diện tích 4 ha tại khu công nghiệp Mỹ Phước I, tỉnh Bình Dương. Giai đoạn 1 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh bông lan kem Hura cao cấp nguồn gốc châu Âu công suất 10 tấn/ngày.



- Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa chính thức đổi tên thành "Công Ty Cổ Phần Bibica" kể từ ngày 17/1/2007.
- Tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 22/9/2007, Công ty đã điều chỉnh và bổ sung kế hoạch phát hành 9,63 triệu cổ phần giai đoạn 2 trong tổng số 11,4 triệu cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 của Công ty.
- Ngày 4/10/2007, Lễ ký kết Hợp đồng Hợp tác chiến lược giữa Bibica và Lotte đã diễn ra, theo chương trình hợp tác, Bibica đã chuyển nhượng cho Lotte 30% tổng số cổ phần (khoảng 4,6 triệu cổ phần). Tập đoàn Lotte - Hàn Quốc là 1 trong những

tập đoàn bánh kẹo lớn nhất tại châu Á, sau khi trở thành đối tác chiến lược, Lotte hỗ trợ Biblica trong lĩnh vực công nghệ, bán hàng và tiếp thị, nghiên cứu phát triển; phối hợp với Biblica thực hiện dự án Công ty Biblica Miền Đông giai đoạn 2 (Bình Dương) tạo điều kiện giúp Biblica mở rộng và phát triển kinh doanh trong lĩnh vực bánh kẹo và trở thành một trong những công ty sản xuất kinh doanh bánh kẹo hàng đầu Việt Nam. Đồng thời, Lotte cung cấp cho Biblica sự hỗ trợ thương mại hợp lý để Biblica nhập khẩu sản phẩm của Lotte, phân phối tại Việt Nam, cũng như giúp Biblica xuất khẩu sản phẩm sang Hàn Quốc.

- Từ cuối năm 2007, Biblica đầu tư vào tòa nhà 443 Lý Thường Kiệt, TP.HCM. Địa điểm này trở thành trụ sở chính thức của Công ty từ đầu năm 2008.
- Tháng 3/2008, Đại hội cổ đông thường niên của Biblica được tổ chức, lần đầu tiên có sự tham dự của cổ đông lớn Lotte.

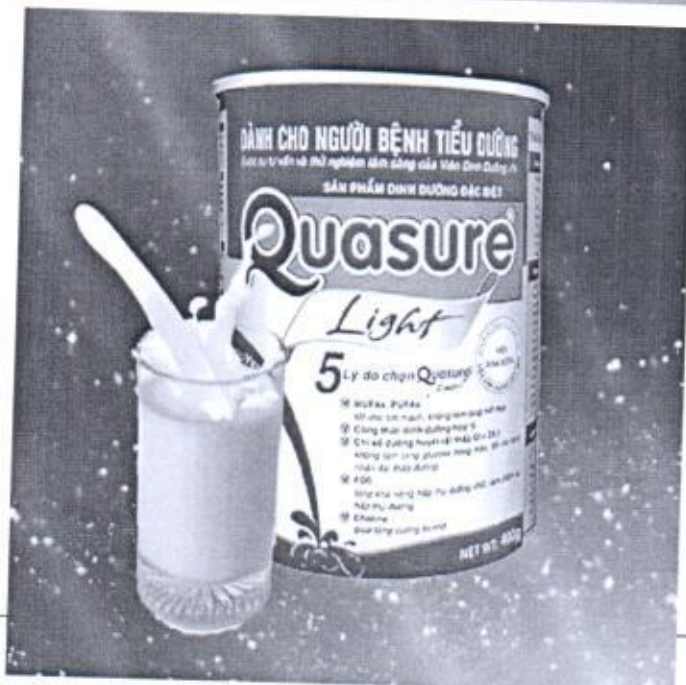
Đại hội đã thông qua Ban lãnh đạo mới, trong đó:

- o Ông Dong Jin Park đại diện phần vốn Lotte giữ chức chủ tịch HĐQT.
- o Ông Trương Phú Chiến giữ vị trí phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty CP Bibica kể từ ngày 01/3/2008
- Tháng 03/2009, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, đại hội đã thông qua ban lãnh đạo mới, trong đó: Ông Jung Woo, Lee đại diện phần vốn Lotte giữ chức Chủ tịch HĐQT
- Tháng 04/2009 Công ty khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất bánh Chocopie cao cấp tại Bibica Miền Đông, đây là dây chuyền được đầu tư trên cơ sở sự hợp tác của Bibica và đối tác chiến lược là Tập đoàn Lotte Hàn Quốc, sản xuất bánh Chocopie theo công nghệ của Lotte Hàn Quốc. Dây chuyền Chocopie là dây chuyền liên tục, đồng bộ, hiện đại hàng đầu Châu Á. Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 2 khoảng 300 tỉ đồng, chính thức đi vào hoạt động vào cuối tháng 02/2010.
- Tháng 10/2009 Công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà tập thể cho CBCNV tại Bibica Miền Đông, tại KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát, Bình Dương với số vốn đầu tư khoảng 5 tỉ đồng, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 03/2010.
- Tháng 11/2009 Công ty mạnh dạn đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử M-Office nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết giảm tối đa các chi phí về hành chính và văn phòng phẩm.
- ❖ **Giai đoạn 2011 đến nay: Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu tại Việt Nam**
 - Với tầm nhìn trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu Việt Nam, với doanh số 2.300 tỉ và chiếm thị phần 14% vào năm 2018, trong năm 2011 Công ty đã cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng và đầu tư phần mềm quản lý hệ thống bán hàng. Kết quả doanh số năm 2011 của Công ty đạt con số trên 1.000 tỉ.
 - Năm 2012 Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS (quản lý online) và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối.

- Cũng trong năm 2012 Công ty nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
- Năm 2014, với mục tiêu tăng độ phủ và doanh số, Công ty đầu tư công cụ hỗ trợ bán hàng bằng thiết bị PDA, nhằm kiểm soát, thúc đẩy nhân viên viếng thăm cửa hàng trên tuyến và chuyển đơn hàng về Nhà phân phối tức thời.
- Năm 2014 đầu tư hệ thống an toàn công nghệ thông tin đưa vào sử dụng từ tháng 9/2014 đảm bảo an toàn hoạt động hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin khi xảy sự cố mất điện, cháy nổ.
- Năm 2015 Áp dụng thành công MFCA trong sản xuất, kiểm soát lãng phí trong sản xuất có hiệu quả và triệt để hơn.
- Cho tới nay, Công ty CP Bibica đã được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt nam chất lượng cao suốt 20 năm liên tục.

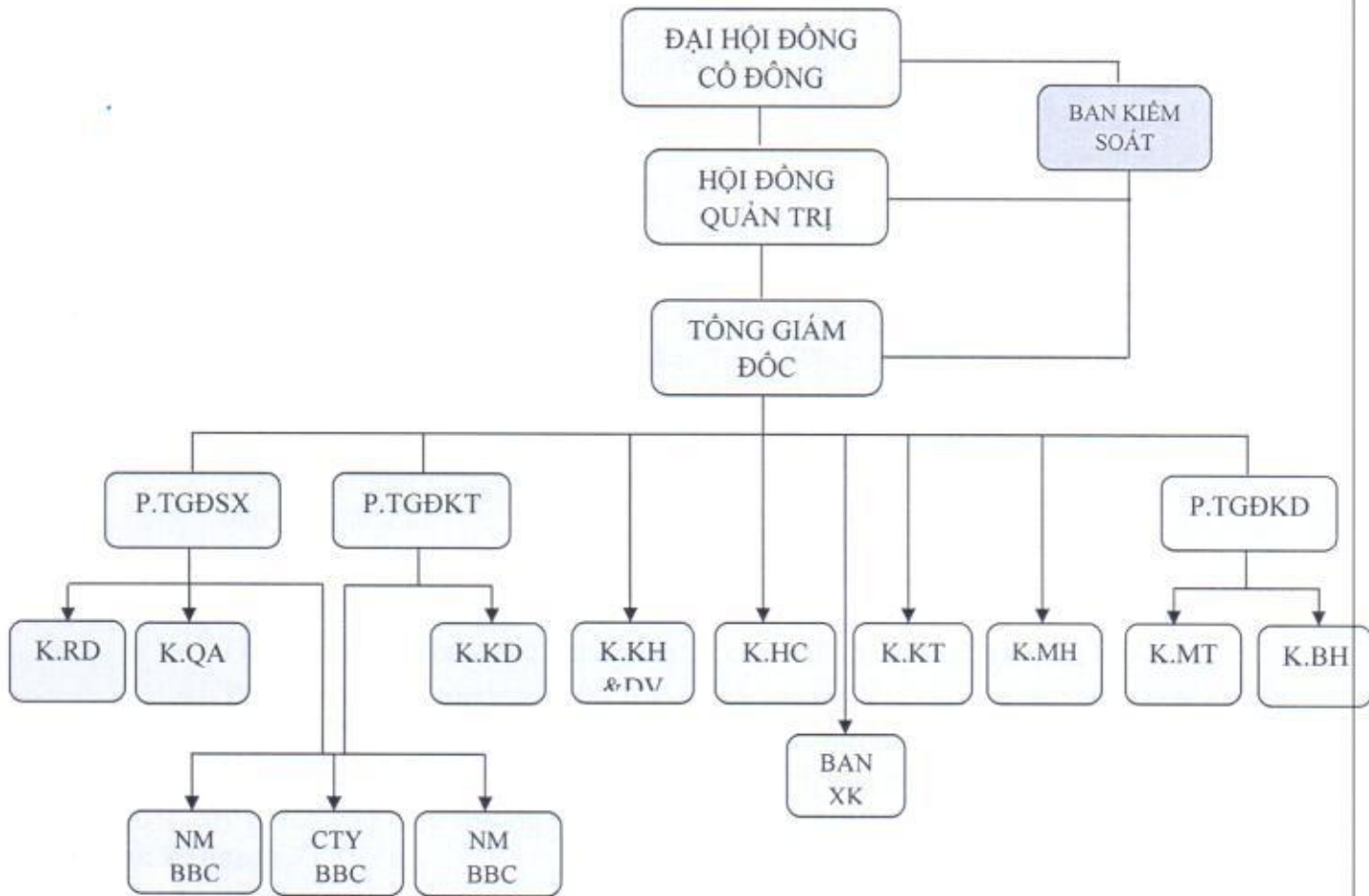
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.



- Địa bàn kinh doanh: Bibica hiện có 117 Nhà phân phối, đại lý và 250 chuỗi siêu thị tại khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và xuất khẩu sang các thị trường châu á, châu âu, châu mỹ

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

	2016	2017	2018
VISION	BIBICA 2018 : CTY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM		
MISSION	BIBICA : 1/ NGƯỜI TIÊU DÙNG : GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG & AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM 2/ XÃ HỘI : 1000 NỤ CƯỜI, 100 PHÒNG HỌC; 1000 XUẤT HỌC BỔNG.		
NGUYÊN TẮC KINH DOANH	1 TUẦN THỦ PHÁP LUẬT; 2 KINH DOANH HIỆU QUẢ; 3 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI		
Target	- Doanh thu 1250 tỷ, tăng 7%. - Thị phần Bibica : 8,6%	- Doanh thu 1750 tỷ, tăng 40%. - Thị phần Bibica : 11,2%	- Doanh thu 2300 tỷ, tăng 31%. - Thị phần Bibica : 13,8%
Production	- Đầu tư DC kẹo mềm cao cấp - Khai thác DC Pie 30% - TB trộn màu Socola cho Orienko	- Đầu tư DC bánh 1 tại BBC MB: 40% - Khai thác DC kẹo mềm cao cấp: 40% - Khai thác DC Pie: 40%	- Đầu tư DC bánh 2 tại BBC MB: 40% - Khai thác DC bánh 1: 50% - Khai thác DC kẹo cao cấp: 60% - Khai thác DC Pie: 45%

II. Tình hình hoạt động trong năm

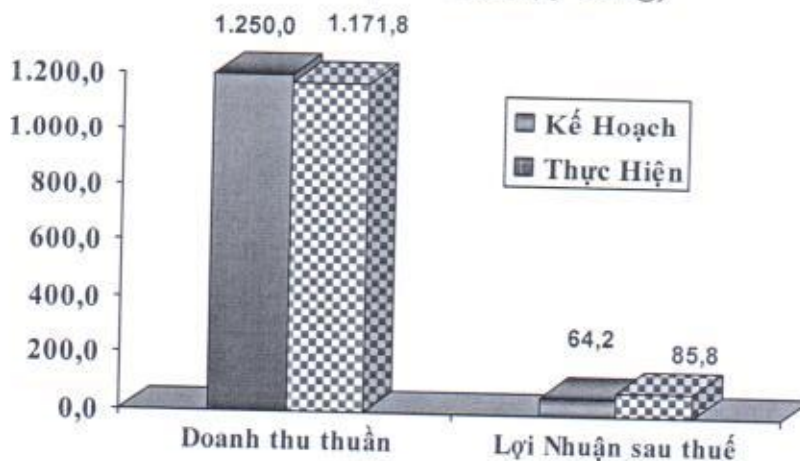
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế thế giới trong năm 2015, phát triển chậm không đồng đều và vẫn chưa thực sự khởi sắc, tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 thấp hơn dự báo, chỉ đạt 2,4%, Các nền kinh tế đang phát triển vẫn tiếp tục giảm tốc năm thứ 5 liên tiếp với mức tăng trưởng chỉ đạt 4,3%
- Tại Việt Nam, Kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực, GDP cả nước năm 2015 tăng 6,68
- Bibica:
 - o Giá nguyên vật liệu đầu vào ổn định, một số nguyên liệu chính như chất béo, sữa, bao bì nhựa giảm, trong năm 2015 Công ty tiếp tục nhận được hạn mức nhập khẩu đường 1000 tấn, với giá bình quân nhập về thấp hơn giá đường nội địa 16%
 - o Thực hiện giải pháp đấu thầu giá nguyên liệu bao bì cho 6 tháng giảm được giá đầu vào đáng kể
 - o Tiếp tục triển khai các giải pháp giảm giá thành sản xuất: Lean Productions, Kaizen, 5S, MFCA tại các nhà máy
 - o Tình hình tài chính lành mạnh, không chịu áp lực vay với lãi suất cao.
 - o Tình hình cạnh tranh trên thị trường rất quyết liệt với sự gia tăng mạnh mẽ của các sản phẩm bánh kẹo nhập khẩu đến từ các nước châu á.

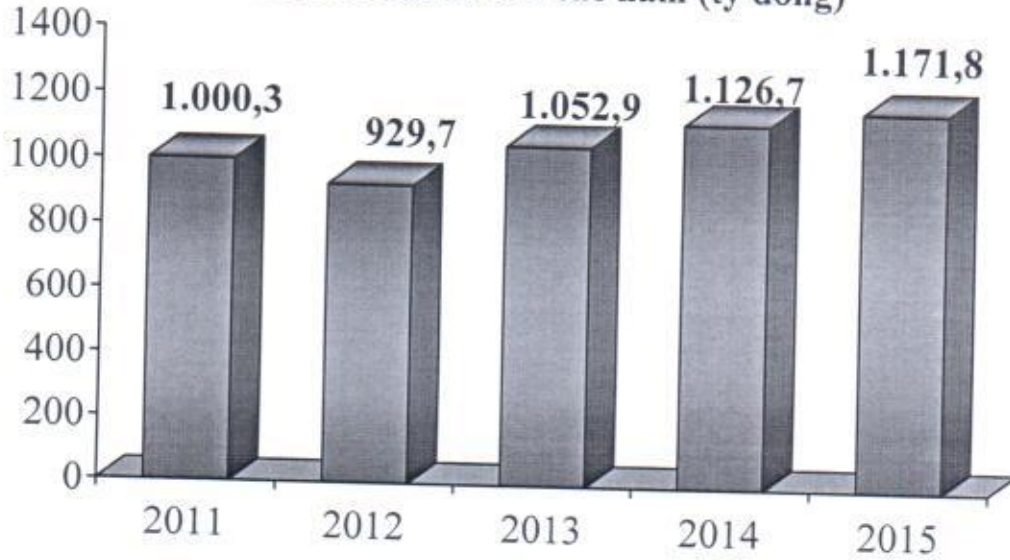
Với các yếu tố kể trên, doanh thu Bibica chỉ đạt 1171,8 tỷ thấp hơn so với kế hoạch đề ra 6,26%, tuy nhiên vẫn tăng trưởng so với cùng kỳ 3,8%. Về lợi nhuận sau thuế đạt 85,8 tỷ, vượt kế hoạch 33,8%.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính & lợi nhuận so với KH):

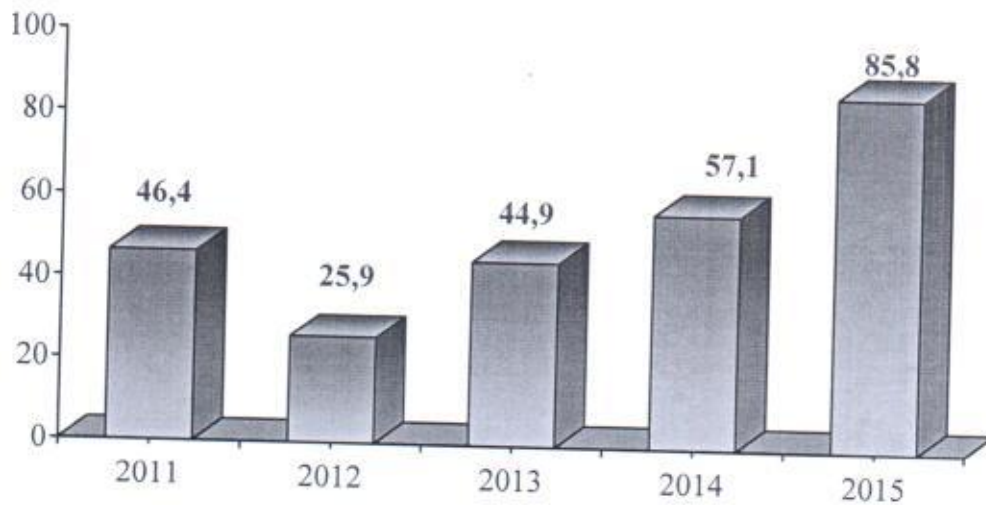
Doanh Thu - Lợi Nhuận (tỷ đồng)



Biểu đồ doanh thu các năm (tỷ đồng)



Biểu Đồ Lợi Nhuận sau thuế (tỷ đồng)



3. Tổ chức và nhân sự

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1.	Ông Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty	Cử nhân Kinh tế	28 năm
2.	Ông Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Kỹ thuật	Kỹ sư Nhiệt	24 năm
3.	Ông Nguyễn Quốc Hoàng	1967	Phó TGD Sản xuất	Cử nhân QTKD	23 năm
4.	Ông Lê Võ An	1972	Phó TGD Kinh doanh	Kỹ sư Hóa TP	19 năm
5.	Mr You Jai Hyung	1977	Giám đốc Tài chính	Cử nhân QTKD	12 năm
6.	Ông Vũ Văn Thức	1978	Phó Giám đốc Khối TCKT	Cử nhân	15 năm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
7.	Ông Trần Đức Tuyển	1968	Giám đốc Khối KH&DV	Cử nhân kinh tế	20 năm
8.	Ông Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS	Kỹ sư BHLĐ Cử nhân QTKD	16 năm
9.	Ông Lưu Anh Vũ	1987	Giám đốc Khối Mua hàng	Kỹ sư Hóa TP	08 năm
10.	Ông Trần Ngọc Vũ Huy	1970	Giám đốc Khối QA	Kỹ sư Hóa TP	20 năm
11.	Ông Nguyễn Trọng Kha	1972	Giám đốc Khối NCPT	Kỹ sư Hóa TP	19 năm
12.	Ông Đạo Ngọc Huy	1972	Giám đốc Khối KTĐT	Kỹ sư Điện CN	20 năm
13.	Ông Mai Trung Hiếu	1973	Giám đốc Khối Marketing	Cử nhân QTKD	14 năm
14.	Ông Nguyễn Văn Bình	1962	Giám Đốc NM Bibica Biên Hòa	Kỹ sư Cơ khí	27 năm
15.	Ông Lê Xuân Dũng	1966	Giám đốc Công ty Bibica Miền Đông.	Kỹ sư Cơ khí Cử nhân QTKD	21 năm
16.	Ông Vũ Văn Tuyên	1978	Giám đốc NM Bibica Hà Nội	Kỹ sư Hóa TP	14 năm

Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành:

Trong năm 2015 tình hình nhân sự Công ty có thay đổi như sau:

Nhân sự nghỉ việc:

- Ông Jin Hun Tag – Giám đốc tài chính, nghỉ việc từ ngày 11/8/2015
- Bà Ngô Thị Kim Phụng – Quyền kế toán trưởng, nghỉ việc từ ngày 01/10/2015
- Ông Hoàng Thế Đức – Giám đốc Khối TCKT, nghỉ việc từ ngày 15/12/2015

Nhân sự điều chuyển công tác:

- Ông Phạm Sơn Hà – Thôi giữ chức Giám đốc Khối Bán hàng từ ngày 23/09/2015 do điều chuyển công tác

Nhân sự bổ nhiệm mới:

- Ông Mai Trung Hiếu – Giám đốc Khối Marketing, kể từ ngày 08/05/2015
- Ông You Jai Hyung – Giám đốc tài chính, kể từ ngày 11/08/2015
- Ông Vũ Văn Thức – Phó Giám đốc Khối TCKT, kể từ ngày 15/08/2015

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, công nhân viên (bao gồm cả lực lượng bán hàng):

Các chỉ tiêu chính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lao động bình quân năm	1,626	1,764	1,707	1,689	1,674
Quỹ lương, thưởng thực hiện (tỷ đồng)	107.48	124.86	127.62	155.61	194.91
BQ thu nhập (đồng/người/tháng)	6,145,557	6,883,425	7,217,787	8,504,365	9,702,807
- Trong đó lương	4,667,668	5,678,996	6,147,246	6,842,372	6,848,460
- Thưởng và các thu nhập khác	1,477,889	1,204,429	1,124,541	1,661,272	2,854,347

b. Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2015):

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ:		
Trên đại học	3	0.2%
Đại học	251	15.0%
Cao đẳng	93	5.6%
Trung cấp, CNKT lành nghề	536	32.0%
Lao động phổ thông	794	47.4%
Theo tính chất công việc:		
Lao động trực tiếp sản xuất	648	38.71%
Lao động gián tiếp, phục vụ sản xuất	379	22.64%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc	647	38.65%

c. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách tiền lương, thưởng:

- Trong năm 2015 Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương gắn với hiệu quả công việc, cụ thể:
 - Đối với Cán bộ quản lý (CBQL) và nhân viên gián tiếp và phục vụ áp dụng trả lương theo hiệu quả công việc (lương KPI). Trong đó CBQL lương KPI chiếm 40%; nhân viên lương KPI chiếm 20%. Các chỉ tiêu KPI gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty, gồm 3 nhóm như sau:
 - ✓ Nhóm chỉ tiêu KPI liên quan đến các chỉ tiêu chung của Công ty: Doanh số, lợi nhuận, giá vốn sản xuất...
 - ✓ Nhóm chỉ tiêu KPI công việc liên quan đến công việc cụ thể của từng cá nhân
 - ✓ Nhóm KPI công việc do trưởng đơn vị giao trực tiếp
 - Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên / phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành.
- Công ty đã ban hành chính sách tiền lương, tiền thưởng 2015 ngày 02/03/2015. Trong đó quy định chi tiết các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, nghỉ phép và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các hạng mục đầu tư 2015:

Đối với dự án đầu tư mới :

- Dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc do triển khai dự án chậm tiến độ so với tiến độ cam kết với Ban Quản Lý KCN Hưng yên nên phải làm lại thủ tục pháp lý tách Giấy đăng ký doanh nghiệp khỏi Giấy chứng nhận đầu tư cũ, thanh lý dự án cũ và xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới để tiến hành triển khai dự án lại từ đầu. Đến nay đã hoàn tất Báo cáo Dự án khả thi cho dự án đầu tư giai đoạn 1 trình Công ty xem xét thông qua.
- Dự án án HRM đã hoàn tất đưa vào sử dụng giai đoạn 1, khắc phục nhược điểm phần mềm cũ và nâng cao hệ thống quản lý nhân sự - tiền lương. Phần Giai đoạn 2 thực hiện hoàn tất trong năm 2016.

- Dự án kẹo mềm Hifat đã triển khai tới bước hoàn tất đấu thầu, chọn Nhà cung cấp thiết bị dây chuyền, hoàn tất thủ tục trình hồ sơ HĐQT xem xét phê duyệt. Hoàn tất đàm phán và ký hợp đồng thiết bị trong tháng 3/2016. So với tiến độ dự án thì đã chậm trễ do việc thử nghiệm sản phẩm đạt yêu cầu mới xem xét chọn thầu cuối cùng.

Đối với đầu tư thiết bị lẻ:

- Đầu tư máy nén khí không dầu cho PX.Layer cake – Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất cho dây chuyền layer cake.
- Đầu tư máy in phun cho PX bánh 1 thay thế máy cũ nâng cao chất lượng in date sản phẩm sản xuất ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà.
- Đầu tư máy dán thùng-in thùng-cân kiểm hợp lý hóa khâu hoàn tất đóng thùng thủ công của PX kẹo, kẹo dẻo, PX.bánh 1 của Nhà Máy Bibica Biên Hoà.
- Đầu tư máy nén khí không dầu tăng cường đảm bảo an toàn sản xuất dây chuyền bánh mì-trung thu và mùa vũ sản xuất trung thu 2015 của Nhà Máy Bibica Hà Nội.
- Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm nghiệm vi sinh để nâng cao chất lượng đo lường kiểm soát chất lượng sản phẩm của Nhà máy Bibica Hà Nội và Nhà máy Bibica Biên Hoà.
- Trang bị bổ sung hệ thống làm mát chuyên dùng cho hai tủ điện máy gói layer cake nâng cao nhiệt đới hóa thiết bị điện điều khiển và phòng ngừa sự cố thiết bị do ảnh hưởng ẩm độ cao của môi trường làm việc của PX.layer cake-Công ty MTV Bibica Miền Đông.
- **Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2015**

Stt	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	Số lượng	Giá trị kế hoạch năm 2015	Giá trị thực hiện thực tế 2015
Hạng mục dự án cũ chuyển sang 2015				35.270.350.000	398.766.500
1	Dự án Hưng Yên giai đoạn 1	BBC MB	1	35.270.350.000	398.766.500
Hạng mục kế hoạch 2015				11.944.100.000	160.800.000
1	Dự án HRM	VPCT	1	500.000.000	160.800.000
2	Dự án kẹo mềm Hifat	VPCT	1	11.444.100.000	0
Hạng mục đầu tư thiết bị lẻ 2015				10.340.000.000	1.537.891.000
	NM BIBICA BIÊN HÒA			5.960.000.000	349.952.000
	NM BIBICA MIỀN ĐÔNG			1.370.000.000	1.003.679.000
	NM BIBICA HÀ NỘI			2.010.000.000	184.260.000
	VPCT			1.000.000.000	0
Tổng cộng				57.554.450.000	2.097.457.500

b) Công bố và cam kết

Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015:

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2015, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- Điều 01: Đã Thông qua báo tài chính năm 2014 (Đã kiểm toán).

- **Điều 02:** Đã thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo đúng NQ ĐHĐCD TN năm 2015.
- **Điều 03:** Đã thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối một phần lợi nhuận năm 2015, chi tiết xem phụ lục đính kèm
- **Điều 04:** Đã thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2015: Chi tiết xem mục 4.
- **Điều 05:** Đã thực hiện việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ngày 03/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp
- **Điều 06:** Đã thực hiện việc tạm hoãn Bầu Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty.
- **Điều 07:** Đã chọn công ty kiểm toán TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM, là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bibica.
- **Điều 08:** Thù lao Hội đồng quản trị: Đã thực hiện chi thù lao Hội đồng quản trị theo mức 1,5% lợi nhuận sau thuế.
- **Điều 09:** Thù lao Ban kiểm soát: Đã thực hiện chi Thù lao Ban kiểm soát theo mức 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng / tháng / 03 thành viên.
- **Điều 10:** Thương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành: Đã thực hiện Thương HĐQT, BKS, Ban điều hành với tổng số tiền là 1.950.391.000 đồng (Mức thưởng 20% lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2015 (sau thuế), tối đa không vượt quá 2.000.000.000 đồng)

5. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	893.127.163.842	1.006.902.351.465	12,74%
Doanh thu thuần	1.129.411.596.730	1.171.783.252.555	3,75%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	92.807.665.614	106.382.829.864	14,63%
Lợi nhuận khác	(16.712.649.216)	(864.165.686)	94,83%
Lợi nhuận trước thuế	76.095.016.398	105.518.664.178	38,67%
Lợi nhuận sau thuế	57.792.820.472	85.815.325.312	48,49%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.560	5.287	48,51%

6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	5,12%	7,32%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	37,48%	55,65%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	6,47%	8,52%
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,38	2,56
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,01	2,25
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	20,61	23,25
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	5,84	5,75
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8,50	9,16
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	4,07	4,88

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
IV	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,26	1,16
	<u>Cơ cấu vốn</u>			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	28,21%	29,92%
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	163,38%	195,39%
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	1,77%	2,74%
V	Khả năng thanh toán lãi vay	Lần		
	<u>Chứng khoán</u>			
1	Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15.420.782	15.420.782
	Trong đó :			
	- Cổ phiếu thường	CP	15.420.782	15.420.782
	- Cổ phiếu ưu đãi	CP		
	- Cổ phiếu ...	CP		
2	Trái phiếu đang lưu hành	TP		
	Trong đó :			
	- Trái phiếu chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu không chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu ...	TP		
3	Thư giá (BPS : Book Value Per Share)	Đồng	29.631	29.631
4	Thị giá (MPS : Market Price Per Share)	Đồng	56.000	55.500
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	9,01	12,16
6	Thu nhập trên cổ phần (EPS:Earning Per Share)	Đồng	3.560	5.287
7	Chỉ số P/E		15,73	10,50
8	Cổ tức được chia (DPS : Divident Per Share)		12%	Tạm ứng đợt 1 là: 12%
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông			
1	Vốn điều lệ :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng		
	- Cuối năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng		
	- Cuối năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2015: tính đến ngày 31/12/2015

ST	Họ và tên	24/2/2010	24/3/2011	24/3/2012	16/1/2013	16/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
1	Jung Woo.Lee (đại diện Lotte)	5.953.000	5.953.000	5.953.000	5.953.000 0	6.638.810 0	6.789.730	6.789.730
2	Trương Phú Chiến	75.195	75.195	114.075	118.075	118.075	118.075	118.075
3	Võ Ngọc Thành	250.000	250.000	289.000	302.500	302.500	302.500	302.500
4	Jeong Hoon Cho (đại diện Lotte)	0	0	0	0	0	0	0
5	Nguyễn Ngọc Hòa	0	0	0	0	0	0	0
6	Nguyễn Khắc Hải	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		6.328.142	6.328.142	6.356.075	6.373.575	7.059.385	7.210.305	7.210.305

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2016

Tổng số CP	Cá nhân		Tổ chức		Tổng Số lượng		Tổng số CP	Tỷ lệ (%)
	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
Trong nước	22.291	1.315.659		6.533.069	22.291	7848728	7.871.019	51,04
Nước ngoài		380.882	4.650.000	2.518.881	4.650.000	2899763	7.549.763	48,96
Cộng							15.420.782	100,00

c. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2016

Stt	Tên tổ chức / cá nhân	Quốc gia	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	LOTTE CONFECTIONERY CO.,LTD	Korea	6,789,730	44,03%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN	Viet Nam	6,515,600	42,25%
3	Võ Ngọc Thành	Viet Nam	302,500	1,96%
4	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS FUND	Luxembourg	224,620	1,46%
5	Kim Heung Soo	Korea, Rep of	181,322	1,18%
6	Trương Phú Chiến	Viet Nam	118,075	0,77%

Tổng số cổ phần phổ thông: **15.420.782** cổ phần.

d. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Từ 2008 đến nay không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Kết quả kinh doanh năm 2015 Doanh thu thuần thực hiện 1171.8 tỉ thấp hơn so với kế hoạch 6.2%, tăng trưởng 3.2% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế 85.9 tỉ vượt kế hoạch 33.8%, tăng trưởng 48.6% so với năm 2014.

- Các hoạt động tiết giảm chi phí sản xuất:

- ✓ Kiểm soát tồn kho nguyên vật liệu và tồn trữ nguyên liệu chính hợp lý.
- ✓ Tổ chức đấu thầu NVL BB để có giá đầu vào tốt nhất.
- ✓ Tiếp tục áp dụng chính sách khoán lương theo sản phẩm, thực hiện đánh giá, phân tích định kỳ tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất.
- ✓ Cải tiến hợp lý hóa sản xuất tăng năng suất lao động, tiết giảm được chi phí nhân công

- Các hoạt động gia tăng doanh số:

- ✓ Nghiên cứu và ứng dụng thành công kem nấu cho bánh Pie với nhãn hiệu Orienko
- ✓ Ứng dụng thành công công nghệ sản xuất kẹo xốp dòn với nhãn hiệu Michoco dứa dòn
- ✓ Đa dạng hóa sản phẩm bánh trung thu theo hướng sử dụng màu sắc và hương liệu có nguồn gốc tự nhiên
- ✓ Nâng công suất kẹo dẻo lên 100 tấn/ tháng

- Thực hiện các chỉ tiêu năm tài chính 2015

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	%Tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.255.000.000.000	1.178.139.117.394	-6,12%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	5.000.000.000	6.355.864.839	27,12%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.250.000.000.000	1.171.783.252.555	-6,26%
4. Giá vốn hàng bán	820.000.000.000	764.731.007.924	-6,74%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	430.000.000.000	407.052.244.631	-5,34%
6. Doanh thu hoạt động tài chính		13.328.829.250	
7. Chi phí tài chính		372.218.871	
- Trong đó: Chi phí lãi vay			
8. Chi phí bán hàng	282.000.000.000	236.787.465.453	-16,03%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.000.000.000	76.838.559.693	8,22%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77.000.000.000	106.382.829.864	38,16%
11. Thu nhập khác	3.500.000.000	1.503.812.368	-57,03%
12. Chi phí khác	300.000.000	2.367.978.054	689,33%
13. Lợi nhuận khác	3.200.000.000	(864.165.686)	-127,01%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.200.000.000	105.518.664.178	31,57%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.000.000.000	21.026.505.425	31,42%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.323.166.559)	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.200.000.000	85.815.325.312	33,67%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.163	5.287	26,99%

2. Tình hình tài chính

Nợ phải trả tài chính

- Công ty có chịu ảnh hưởng rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro tài chính tại công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

- Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể vì Công ty có nguồn ngoại tệ thu được từ hoạt động xuất khẩu.

Rủi ro về giá cổ phiếu

- Các cổ phiếu đã niêm yết Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty có lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu chính, có giá thường xuyên biến động để giảm thiểu tối đa mức độ ảnh hưởng của biến động giá.

Rủi ro tín dụng

- Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam : Ngân hàng Đầu tư & Phát triển, Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng hàng năm. Công ty cấp hạn mức công nợ cho khách hàng dựa trên giá trị tiền ký quỹ của Khách hàng tại Công ty và Giá trị Bảo lãnh thanh toán mà Công ty là người thụ hưởng.

Rủi ro thanh khoản

- Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các nhà cung cấp hiện tại.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục triển khai giao chỉ tiêu, đánh giá hiệu quả công việc và trả lương KPI cho toàn bộ lao động gián tiếp
- Đạt điều kiện sản xuất sản phẩm chức năng.
- Ứng dụng 5S, MFCA trong sản xuất

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Định hướng phát triển năm 2016:

- Theo các chuyên gia kinh tế nhận định, tăng trưởng Việt Nam năm 2016 vào khoảng 6.7%, lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp, khoảng 2.8%.
- Việc thay đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt gây ra hạn hán, thiên tai làm giảm thu nhập của người dân khu vực nông thôn ảnh hưởng lớn đến doanh số bánh kẹo tại khu vực này.
- Giá xăng dầu, chất béo, đường, sữa dự báo sẽ tăng trở lại làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất.
- Mức độ cạnh tranh với sản phẩm bánh kẹo nhập khẩu sẽ khốc liệt hơn khi Việt Nam gia nhập TPP
- Mục tiêu và các hoạt động chính trong năm:

Mục tiêu 2016: Doanh thu 1250.8 tỷ, tăng 7%; Thị phần Bibica : 8.6%	
Sản xuất <ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư DC kẹo mềm cao cấp • Khai thác DC Pie 30% • TB trộn màu Socola cho Orienko • TB trộn, sục khí bột cho Round cake 	Sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> • Bánh Pie lá dứa, Cookies nguyên hạt, short bread • Kẹo thảo dược gừng, Kẹo quế, Hi-café, Kẹo Jelly bean, Pectin
Marketing: <ul style="list-style-type: none"> • Tập trung Marketing cho các nhãn mạnh. • Bao bì thông minh, thể giới bánh kẹo • Làm mới bao bì Hura, Kẹo • Shopper Marketing tại điểm bán. • Kệ TB, bảng hiệu shop. • Khuyến mãi NTD 	Bán hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Gia tăng độ phủ: 120.000 shop; BQ 5 SKUs/Shop • Phát triển 12 Hero SKUs: Tồn kho, độ phủ • Giải pháp shop key • DS HCM, HN/MIỀN: 15% • DS MT: 12%

Stt	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
I	Dự án cũ chuyển sang năm 2016	351.752,8	
1	Dự án Hưng Yên giai đoạn 1	277.087,0	Đầu tư một dây chuyền bánh cupcake và chuyển thiết bị NM Bibica Hà Nội sang Nhà máy máy mới
2	Dự án kẹo mềm Hifat	74.665,8	Đầu tư sản phẩm kẹo mềm mới tại NMBH..
II	Dự án mới năm 2016	15.449,2	
1	Dự án bánh Round cake	15.449,2	Đầu tư mở rộng sản phẩm mới trên dây chuyền Pie
III	Các thiết bị lẻ đầu tư năm 2016	11.829,7	
Tổng cộng		379.031,8	

c. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

CHỈ TIÊU	Đvt: triệu đồng		
	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	% Tăng/ giảm
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.171.783.252.555	1.250.800.000.000	106.7%
2. Giá vốn hàng bán	779.516.963.790	822.171.000.000	105.5%
3. Chi phí bán hàng	222.001.509.587	286.700.000.000	129.1%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.838.559.693	71.052.000.000	92.5%
5. Quỹ lương	194.910.000.000	215.635.000.000	110.6%
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.518.664.178	82.150.080.000	77.9%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.287	4.024	76.0%

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Nhiệm kỳ năm 2015

Stt	Họ và tên	Năm 2015	Ghi chú
I	Hội Đồng Quản Trị	06 thành viên	
1	Jung Woo.Lee	Chủ tịch	Kiêm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008
2	Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch	
3	Võ Ngọc Thành	Thành viên	
4	Jeong Hoon Cho	Thành viên	Thành viên độc lập - Từ nhiệm ngày 24/10/2015 Bổ nhiệm ngày 24/10/2015
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	
6	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
II	Ban kiểm soát	03 thành viên	
1	Vũ Cường	Thành viên	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	
3	Hur Jin KooK	Thành viên	

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo. Lee làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009.
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008 đến nay.

b. Thù lao HĐQT:

Trong năm 2015, số lượng thành viên HĐQT là 06 thành viên (Một thành viên từ nhiệm ngày 24/10/2015 và 01 thành viên bổ nhiệm ngày 24/10/2015). tổng mức thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên năm 2015 là 1.5% lợi nhuận sau thuế. Căn cứ kết quả báo cáo kiểm toán tài chính năm 2015 lợi nhuận sau thuế của Công ty là 85.815.325.312 đồng, tổng mức thù lao cho các thành viên HĐQT là 1.5% tương đương 1.275.481.930 đồng / năm.

Tổng thù lao thành viên HĐQT đã thực hiện trong năm 2015 là:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ THÙ LAO	THÙ LAO HĐQT NĂM 2015
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch	30%	382.644.579
2	Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch	25%	318.87.483
3	Jeong Hoon Cho	Thành viên	15%	191.322.290
4	Võ Ngọc Thành	Thành viên	15%	191.322.290
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	12%	153.057.832
6	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	3%	38.264.458
TỔNG				1.275.481.930

c. Thù lao Ban kiểm Soát

Số thành viên của Ban kiểm soát là 03 người. Theo Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên năm 2015, mức thù lao: 15.000.000 đồng/tháng/3 thành viên. Căn cứ biên bản thỏa thuận về việc phân phối thù lao Ban kiểm soát năm 2015 giữa các thành viên Ban kiểm soát ngày 28/01/2016. Thù lao Ban kiểm soát đã thực hiện năm 2015 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ	THÙ LAO BKS NĂM 2015
1	Vũ Cường	Thành viên	40%	72.000.000
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	40%	72.000.000
3	Hur Jin Kook	Thành viên	20%	36.000.000
TỔNG				180.000.000

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Jung Woo Lee	CT. HĐQT	04	100%	
2	Trương Phú Chiến	P.CT HĐQT	04	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên	04	100%	
4	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành Viên	02	100%	Từ nhiệm ngày 24/10/15
5	Jeong Hoon Cho	Thành Viên	02	50%	Ủy Quyền Mr Lee 02 (CT. HĐQT).
6	Nguyễn Khắc Hải	Thành Viên	02	100%	Bỏ nhiệm ngày 24/10/15

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Hiện có 01 trong 5 thành viên tham gia điều hành Công ty: Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.
- Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của công ty. Từ những thông tin này HĐQT có điều kiện tham gia giám sát chặt chẽ và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư.
- Một thành viên Mr Jeong Hoon Cho không tham gia trực tiếp các cuộc họp HĐQT từ năm 2009
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

e. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị :

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	000944/NQ-HĐQT	15/04/2015	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
2	003557/NQ-HĐQT	20/08/2015	Thông qua việc ký kết hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu và bí quyết
3	002825/NQ-HĐQT	31/08/2015	Chấp thuận Bà Ngô Thị Kim Phụng thôi giữ chức vụ quyền Kế toán trưởng
4	003664/NQ-HĐQT	24/10/2015	Từ nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT
5	004164/QĐBN-HĐQT	11/11/2015	Giao nhiệm vụ phụ trách Khối tài chính kế toán

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Kiểm toán độc lập:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Nhóm Công ty kiện Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc

Ngô Bửu Quốc Đạt
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán
 Số: 1575-2013-004-1

 Giấy CNĐKHN kiểm toán
 Số: 2138-2013-004-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		723.052.839.579	572.945.242.017
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<i>299.793.647.514</i>	<i>252.205.941.806</i>
111	1. Tiền		101.568.647.514	46.828.441.806
112	2. Các khoản tương đương tiền		198.225.000.000	205.377.500.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		<i>131.270.322.430</i>	<i>37.228.658.632</i>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.618.744.826	4.897.513.746
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.348.422.396)	(2.668.855.114)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	129.000.000.000	35.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>203.668.938.971</i>	<i>193.229.435.408</i>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	74.451.213.128	62.416.751.048
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		192.814.313	1.352.642.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	134.963.813.678	134.905.983.845
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(5.938.902.148)	(5.445.941.685)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	8	<i>83.488.669.382</i>	<i>86.737.124.976</i>
141	1. Hàng tồn kho		85.950.400.875	88.804.155.783
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.461.731.493)	(2.067.030.807)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>4.831.261.282</i>	<i>3.544.081.195</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.165.907.154	2.744.142.620
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.318.250	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	630.035.878	799.938.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		283.849.511.886	320.181.921.825
210	<i>I. Phải thu dài hạn</i>		<i>-</i>	<i>32.000.000</i>

216	1. Phải thu dài hạn khác		-	32.000.000
220	II. Tài sản cố định		239.940.885.006	277.750.522.035
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	235.067.195.958	271.940.016.428
222	Nguyên giá		577.719.768.533	582.389.574.437
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(342.652.572.575)	(310.449.558.009)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.873.689.048	5.810.505.607
228	Nguyên giá		8.994.486.943	8.994.486.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.120.797.895)	(3.183.981.336)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.104.475.920	1.276.066.787
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.104.475.920	1.276.066.787
260	IV. Tài sản dài hạn khác		41.804.150.960	41.123.333.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	39.151.816.871	39.794.165.473
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.2	2.652.334.089	1.329.167.530
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.006.902.351.465	893.127.163.842

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		301.304.231.873	251.949.790.138
310	I. Nợ ngắn hạn		281.964.321.466	240.574.058.431
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	69.029.602.713	66.425.557.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.469.050.877	4.768.925.813
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.889.804.167	18.130.912.856
314	4. Phải trả người lao động		9.034.070.044	8.073.859.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	119.970.888.667	81.718.849.444
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	57.964.809.638	57.917.665.821
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.606.095.360	3.538.288.011
330	II. Nợ dài hạn		19.339.910.407	11.375.731.707
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	6.118.598.517	4.800.200.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	13.221.311.890	6.575.531.707
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		705.598.119.592	641.177.373.704
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	705.598.119.592	641.177.373.704
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		163.508.737.432	127.110.496.383
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.154.978.809	57.132.473.970
421a	- Lũy kế đến cuối năm trước		(660.346.503)	(660.346.502)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		85.815.325.312	57.792.820.472
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.006.902.351.465	893.127.163.842

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	21.1	1.178.139.117.394	1.135.366.420.594
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(6.355.864.839)	(5.954.823.864)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.171.783.252.555	1.129.411.596.730
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(764.731.007.924)	(737.178.059.041)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		407.052.244.631	392.233.537.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	13.328.829.250	8.886.415.568
22	7. Chi phí tài chính		(372.218.871)	269.327.596
25	8. Chi phí bán hàng	23	(236.787.465.453)	(236.997.263.559)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(76.838.559.693)	(71.584.351.680)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.382.829.864	92.807.665.614
31	11. Thu nhập khác	26	1.503.812.368	1.928.224.252
32	12. Chi phí khác	26	(2.367.978.054)	(18.640.873.468)
40	13. Lỗ khác	26	(864.165.686)	(16.712.649.216)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.518.664.178	76.095.016.398
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(21.026.505.425)	(18.834.645.562)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	1.323.166.559	532.449.636
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.815.325.312	57.792.820.472
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		85.815.325.312	57.792.820.472
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	5.287	3.560
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	5.287	3.560

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		105.518.664.178	76.095.016.398
02	Khấu hao và hao mòn		40.305.751.557	40.362.026.936
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		8.100.669.763	(1.597.276.706)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.532.728.998)	(166.977.780)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.779.747.592)	(4.407.216.524)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		142.612.608.908	110.285.572.324
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(10.640.115.844)	1.024.230.157
10	Giảm hàng tồn kho		2.853.754.908	1.447.300.995
11	Tăng các khoản phải trả		44.208.299.157	34.286.327.126
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(779.415.932)	2.167.591.457
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(22.602.433.067)	(16.337.728.756)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.709.695.546)	(2.588.322.140)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.943.002.584	130.284.971.163
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.486.243.834)	(8.857.244.653)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		85.000.000.000	30.000.000.000
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(179.104.460.000)	(50.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		119.901.000	-

27	Lãi tiền gửi nhận được		10.084.069.567	8.158.683.380
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(87.386.733.267)	(20.698.561.273)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	Cổ tức đã trả	20.2	(18.504.938.400)	(9.281.433.180)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(18.504.938.400)	(9.281.433.180)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		46.051.330.917	100.304.976.710
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		252.205.941.806	151.707.165.726
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.536.374.791	193.799.370
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	299.793.647.514	252.205.941.806

Thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán vui lòng tham khảo trên Website Bibica theo địa chỉ <http://bibica.com.vn/codong-Bao-cao-Tai-chinh>

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty ^{VTC}



Trương Phú Chiến